

Bản án số: 18/2024/DS-ST  
Ngày: 04-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phước Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Ngô.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Trân là Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Anh Trần Hoàng A, sinh năm 1986;

2. Chị Danh Bé H, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện lập ngày 01 tháng 7 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung lập ngày 18 tháng 7 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T trình bày:

Vào ngày 01/02/2019, chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T (sau đây gọi tắt là chị V) có Hợp đồng bán thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho anh Trần Hoàng A và chị Danh Bé H do anh Trần Hoàng A đại diện ký hợp đồng. Theo hợp đồng, chị V có giao thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho anh Hoàng A và chị H để nuôi tôm. Trong quá trình nuôi tôm thì anh Hoàng A và chị H có trả tiền, trả không đủ rồi thiếu nợ lại chị V một ít, chị V tiếp tục bán thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho anh Hoàng A và chị H nuôi vụ tiếp theo theo yêu cầu của anh Hoàng A và chị H. Đến ngày 04/3/2022, vợ chồng anh Hoàng A và chị H chốt nợ với chị V do anh Hoàng A đại diện ký chốt nợ tại “Sổ theo dõi hàng – công nợ” lập ngày 04/3/2022, thì vợ chồng anh Hoàng A và chị H còn nợ chị V số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất tổng cộng là 513.955.000 đồng.

Sau khi xác nhận nợ thì anh Hoàng A và chị H còn cam kết hàng tháng anh Hoàng A và chị H còn phải chịu khoản tiền lãi là 1%/1 tháng trên số tiền còn nợ gốc. Do anh Hoàng A và chị H thống nhất xác định còn nợ chị V số tiền là 513.955.000 đồng có thỏa thuận lãi suất hàng tháng mà đến nay anh Hoàng A và chị H không trả tiền lãi cũng không trả tiền gốc cho chị V, vi phạm việc thỏa thuận trả nợ tiền thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất nên chị V yêu cầu anh Hoàng A và chị H phải có trách nhiệm trả thêm cho chị V tiền lãi suất theo thỏa thuận là 1%/01 tháng trên số tiền nợ gốc là 513.955.000 đồng và thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 04/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ. Tạm tính từ ngày 04/3/2022 đến ngày 04/7/2024 là 28 tháng với số tiền lãi là 143.907.400 đồng (513.955.000 đồng x 1%/01 tháng x 28 tháng). Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 657.862.400 đồng.

Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xem xét giải quyết: Buộc anh Hoàng A và chị H có trách nhiệm hoàn trả cho chị V số tiền vốn mà anh Hoàng A và chị H còn nợ chị V trong hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất là 513.955.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận, tính từ ngày 04/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 8 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trần Hoàng A và chị Danh Bé H trình bày:

Vào ngày 01/02/2019, vợ chồng anh Trần Hoàng A và chị Danh Bé H có ký Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất với chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T. Thực hiện theo hợp đồng, tính đến ngày 04/3/2022, vợ chồng anh Hoàng A và chị H chốt nợ với chị V do anh Hoàng A đại diện ký chốt nợ tại “Sổ theo dõi hàng – công nợ” lập ngày 04/3/2022, thì vợ chồng anh Hoàng A và chị H còn nợ chị V số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất tổng cộng là 513.955.000 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì khi chốt nợ, vợ chồng anh Hoàng A và chị H không trả dứt nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất cho chị V thì anh Hoàng A và chị H không được chiết khấu và phải chịu lãi suất 1%/tháng trên số tiền nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ. Nay vợ chồng anh Hoàng A và chị H đồng ý trả toàn bộ số tiền nợ 513.955.000 đồng cho

chị V nhưng do điều kiện kinh tế đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Vợ chồng anh Hoàng A và chị H xin chị V không tính lãi suất trên số tiền vốn gốc kể từ ngày chốt nợ vì hiện nay vợ chồng anh Hoàng A và chị H không có khả năng trả tiền vốn gốc và lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/7/2024, nguyên đơn chị V có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 735, tờ bản đồ số 1, diện tích 12.806m<sup>2</sup> tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 062793, vào sổ cấp GCN: CS01473 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 03/8/2020 cho ông Trần Hoàng A vì cho rằng ông Hoàng A có dấu hiệu tẩu tán tài sản bằng hình thức tặng cho quyền sử dụng đất trên cho bà Trần Hồng L (có cung cấp bản chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 15/7/2024) và Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và đã ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 735, tờ bản đồ số 1, diện tích 12.806m<sup>2</sup> tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 062793, số vào sổ cấp GCN: CS01473 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 03/8/2020 cho ông Trần Hoàng A theo quyết định số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 7 năm 2024 để đảm bảo cho việc thi hành án.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là các đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản là 513.955.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng. Đề nghị tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do Tòa án đã ra quyết định.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện anh Trần Hoàng A và chị Danh Bé H, cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Hoàng A và chị H phải trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc, hóa chất còn nợ và tiền lãi suất. Chị V đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị V nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị V đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị V là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản còn nợ là 513.955.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 04/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn anh Hoàng A và chị H đều thừa nhận có ký hợp đồng mua bán với chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T vào ngày 01/02/2019 và tính đến ngày hôm nay, thì anh Hoàng A và chị H còn nợ chị V số tiền 513.955.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận anh Hoàng A và chị H còn nợ chị V số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản là 513.955.000 đồng là sự thật. Tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng anh Hoàng A và chị H xin trả dần mỗi năm 50.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin chị V không tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc do gặp khó khăn về kinh tế và không có khả năng trả tiền vốn gốc và lãi suất. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của các bị đơn và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bị đơn.

[5] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán” và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Thỏa thuận theo hợp đồng, thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt 100% trước hoặc ngay sau khi thu hoạch tôm”. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong bên mua là anh Hoàng A và chị H không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán là chị V. Do đó, chị V yêu cầu các bị đơn anh Hoàng A và chị H

phải trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất còn nợ 513.955.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét về yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất từ ngày 04/3/2022, cho đến khi trả dứt số tiền nợ với lãi suất là 1%/1 tháng trên số tiền nợ gốc 513.955.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng mua bán lập ngày 01/02/2019 giữa nguyên đơn với bị đơn, thì tại Điều 4 có quy định: “Trường hợp bên B (bên mua) không thanh toán đủ sẽ không được chiết khấu, đồng thời phần nợ còn lại sẽ tính lãi suất 1%/tháng cho đến khi bên B thanh toán hết”; tại “Sổ theo dõi hàng – công nợ” lập ngày 04/3/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn xác nhận tổng công nợ là 513.955.000 đồng. Căn cứ vào Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 3 quy định: “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”, theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này...”. Theo khoản 1 Điều 468 quy định “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có quy định khác...”. Căn cứ vào các quy định nêu trên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền lãi suất 1%/1 tháng trên số tiền nợ gốc 513.955.000 đồng tính từ ngày 04/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi tính từ ngày 04/3/2022 đến ngày 04/9/2024, nguyên đơn đồng ý tính tròn là 30 tháng x 513.955.000 đồng x 1%/tháng = 154.186.500 đồng.

[7] Từ những nhận định tại các đoạn [4], [5], [6], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất còn nợ với số tiền 513.955.000 đồng và số tiền lãi là 154.186.500 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 668.141.500 đồng.

[8] Xét thấy, tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên việc tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 735, tờ bản đồ số 1, diện tích 12.806m<sup>2</sup> tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 062793, vào sổ cấp GCN: CS01473 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 03/8/2020 cho ông Trần Hoàng A theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung để đảm bảo cho việc thi hành án là cần thiết.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn anh Trần Hoàng A và chị Danh B H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 30.725.660 đồng án phí dân sự sơ thẩm (anh Trần Hoàng A nộp 15.362.830 đồng, chị D Bé H nộp 15.362.830 đồng).

[11] Nguyên đơn chị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 430; khoản 1, 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T đối với các bị đơn anh Trần Hoàng A và chị Danh Bé H.

2. Xử buộc các bị đơn anh Trần Hoàng A và chị Danh Bé H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T tiền mua thức ăn thủy sản, vôi, thuốc và hóa chất còn nợ vốn gốc với số tiền 513.955.000 đồng và số tiền lãi là 154.186.500 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 668.141.500 đồng (sáu trăm sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 05/9/2024), anh Hoàng A và chị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận 1%/tháng của số tiền nợ vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ vốn gốc trên.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2024/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 735, tờ bản đồ số 1, diện tích 12.806m<sup>2</sup> tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 062793, số vào sổ cấp GCN: CS01473 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 03/8/2020 cho ông Trần Hoàng A để đảm bảo cho việc thi hành án.

### 4. Về án phí:

4.1. Các bị đơn anh Trần Hoàng A và chị Danh Bé H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 30.725.660 đồng (anh Trần Hoàng A nộp 15.362.830 đồng, chị Danh Bé H nộp 15.362.830 đồng).

4.2. Nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm

tổng cộng 15.876.000 đồng theo các biên lai thu tiền số: 0004444 ngày 03 tháng 7 năm 2024 (số tiền 12.279.000 đồng) và biên lai thu tiền số: 0004459 ngày 19 tháng 7 năm 2024 (số tiền 3.597.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Đặng Phước Tuấn**